

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 83 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 16-5- 2018

V/v "Xin ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Mậu Tiêng.

Bà Hoàng Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thảo Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TL.ST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06.4.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26.4.2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: đường V, phường P, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. “Cố mặt”.

Bị đơn: ông P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khối Đ, phường H, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. “Vắng mặt không có lý do”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14.12.2017, được trình bày bổ sung vào ngày 05.01.2018 và tại phiên tòa hôm nay, bà T trình bày: bà và ông P kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố A, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân giữa hai người là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế. Hiện cả hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau và tình cảm cũng không còn, do đó bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông P có với nhau một con chung tên Th, sinh ngày 27.5.2017. Cháu Th hiện đang ở với bà. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà và ông P không có tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 4 năm 2018, ông P xác nhận ông và bà T kết hôn vào năm 2016. Cả hai kết hôn hoàn toàn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Theo ông mâu thuẫn vợ chồng không lớn để dẫn đến việc ly hôn, tuy nhiên nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: ông và bà T có với nhau một con chung tên Th, sinh ngày 27.5.2017. Sau khi ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: ông và bà T không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Thư ký chấp hành đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Về nội dung vụ án: nhận thấy việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Chấp nhận đơn khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn với ông P.

Về con chung: ông P và bà T có với nhau một con chung tên Th, sinh ngày 27.5.2017 cả hai đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng cháu Th dưới 3 tuổi nên giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con.

Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông P có nơi cư trú tại khối Đ, phường H, thành phố A, tỉnh Quảng Nam nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tham gia phiên tòa nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông P kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố A, tỉnh Quảng Nam theo quy định của pháp luật vào năm 2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đến cuối năm 2017 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2017 cả hai đã không còn chung sống với nhau và không ai có trách nhiệm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông P đến để giải quyết việc ly hôn nhưng ông P đều vắng mặt, như vậy ông P không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này cũng không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về sống chung. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho bà T ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: ông P và bà T có với nhau một con chung tên Th, sinh ngày 27.5.2017. Sau khi ly hôn, cả hai vợ chồng đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy hiện tại cháu tên Th, sinh ngày 27.5.2017 đang sống với mẹ, cháu còn quá nhỏ do đó cần phải có sự trông nom, chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Th, sinh ngày 27.5.2017 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không đề nghị ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông P trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Bà T phải chịu án phí vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho bà T được ly hôn với ông P.

2. Về con chung: : Có 01 con chung:

Tên Th, sinh ngày 27.5.2017

Giao cháu Th sinh ngày 27.5.2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Về án phí Án phí Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011987 ngày 19.12.2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hội an. Bà T đã nộp đủ án phí.

Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/5/2018). Ông P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND thành phố Hội An
- Các đương sự
- Thi hành án.
- UBND phường P.
- L- u hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nhạn

